

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số chuyên ngành: 9220121

Thanh Hóa, Tháng 1 năm 2022

Số: 3247/QĐ-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo
trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 10/12/2022 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Văn học Việt Nam;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ngày 30/12/2022 về kết quả xin ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Mã số: 9220121, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 2 năm 2022 (có văn bản Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành tiến sĩ Văn học Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo đúng Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Khoa học xã hội, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTSDH.



Bùi Văn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ~~3247~~ /QĐ-ĐHHD, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Tiến sĩ Văn học Việt Nam
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Doctor of Vietnamese literature
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	9220121
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa học xã hội/Ngữ Văn
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển
Thời gian đào tạo:	36-48 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	90-120
Điều kiện tốt nghiệp:	Theo điều 5 Quy định <i>Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức</i> ban hành kèm theo Quyết định số 2499-QĐ/ĐHHD ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Tiến sĩ Văn học Việt Nam
Vị trí làm việc:	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên trong các trường Đại học/Học viện, Cao đẳng, Trung cấp, giáo viên THPT... có môn học thuộc khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn; - Cán bộ quản lý trong các cơ quan quản lý giáo dục, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, THPT...; - Nghiên cứu viên trong các viện, học viện thuộc khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn; - Chuyên viên, phóng viên, biên tập viên, cán bộ quản lý... trong các cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản và các cơ quan quản lý văn hóa; - Tiếp tục nghiên cứu sau tiến sĩ (post-doctorate)...
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Sau tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	<p>[1]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2017.</p> <p>[2]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP Hà Nội, nguồn: http://sdh.hnue.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao/tien-si</p>

dk

	<p>[3]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, nguồn: https://hcmue.edu.vn/vi/dao-tao/sau-dai-hoc/nghien-cuu-sinh/chuong-trinh-dao-tao/1000-chuong-trinh-dao-t-o-trinh-d-ti-n-si.</p> <p>[4]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Tp Hồ Chí Minh, nguồn: https://hcmussh.edu.vn/news/item/15239</p>
--	--

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam có kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu, tiên tiến về văn học Việt Nam, có tư duy khoa học độc lập, sáng tạo; biết vận dụng tri thức và phương pháp đã tiếp nhận vào việc giảng dạy, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới của khoa học chuyên ngành và đời sống văn học, tổ chức nhóm nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam:

PO1. Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu, cập nhật về văn học Việt Nam; nắm vững các lý thuyết nghiên cứu - phê bình văn học tiên tiến và vận dụng tốt vào nghiên cứu - phê bình văn học hoặc tổ chức nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và góp phần phát triển tri thức chuyên ngành.

PO2. Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, các phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu; kỹ năng phân tích, tổng hợp, suy luận các vấn đề khoa học để đưa ra những hướng xử lý sáng tạo, độc đáo; kỹ năng quản lý, lãnh đạo nhóm nghiên cứu, chủ trì thảo luận hoặc tham gia thảo luận tại các hội nghị, hội thảo, phổ biến kết quả nghiên cứu mới.

PO3. Có khả năng thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong nghiên cứu; tự giác học tập phát triển tri thức; chủ động thực hiện hoạt động nghiên cứu nhằm đưa ra các ý tưởng mới, kiến thức mới.

2.2. Chuẩn đầu ra

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
PLO1	Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu, cập nhật về văn học Việt Nam, đủ năng lực để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu, phát triển tri thức chuyên ngành.	PI1.1	Hệ thống hóa được các tri thức về lịch sử vận động, quy luật phát triển, đặc trưng loại hình, thi pháp thể loại... của tiến trình văn học; mối quan hệ/liên hệ giữa văn học Việt Nam và văn học các nước trong khu vực và trên thế giới.
		PI1.2	Nhận diện và diễn giải được các hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam.

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
		PI1.3	Cập nhật được những kết quả/thành tựu nghiên cứu mới, tiên tiến về văn học Việt Nam cả trong và ngoài nước.
PLO2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu chuyên sâu, nhất là vận dụng được các lý thuyết tiên tiến vào nghiên cứu - phê bình văn học Việt Nam.	PI2.1	Hiểu được bản chất của lý thuyết, phương pháp.
		PI2.2	Diễn giải được các nội dung lý thuyết có thể vận dụng để nghiên cứu các vấn đề văn học.
PLO3	Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, các phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu; có phẩm chất đạo đức khoa học; có kỹ năng quản lý, lãnh đạo nhóm nghiên cứu, chủ trì thảo luận hoặc tham gia thảo luận tại các hội nghị, hội thảo, phổ biến kết quả nghiên cứu mới.	PI3.1	Thành thạo các thao tác nghiên cứu, nhất là kỹ năng phân tích, tổng hợp, suy luận các vấn đề khoa học; phát hiện và đưa ra những hướng giải quyết vấn đề mới một cách độc đáo, sáng tạo.
		PI3.2	Trung thực và tôn trọng luật sở hữu trí tuệ.
		PI3.3	Có kỹ năng hợp tác, lãnh đạo và hướng dẫn nghiên cứu; kỹ năng tham gia hội nghị, hội thảo; thành thạo trong việc công bố những thành tựu/sản phẩm nghiên cứu mới.
PLO4	Có khả năng thích ứng, tự định hướng, tự giác học tập phát triển tri thức, nhất là các tri thức chuyên sâu, cập nhật về văn học Việt Nam; chủ động thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm phát hiện, phổ biến các ý tưởng mới, kiến thức mới về văn học dân tộc.	PI4.1	Tự giác học tập, tìm kiếm tri thức mới về văn học Việt Nam.
		PI4.2	Chủ động, sáng tạo trong việc phát hiện, giải quyết các vấn đề của lịch sử văn học Việt Nam và văn học Việt Nam đương đại.
		PI4.3	Tích cực truyền bá, phổ biến tri thức và công bố các kết quả nghiên cứu mới nhằm phát huy những thành tựu và giá trị văn học Việt Nam.

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Các học phần bổ sung kiến thức: 30 TC	Bắt buộc	
		Tự chọn	
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 10 TC	Bắt buộc	6 TC
		Tự chọn	4 TC

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
	Các chuyên đề tiến sĩ: 6 TC	Bắt buộc	2 TC
		Tự chọn	4 TC
	Tiểu luận tổng quan: 2 TC	Bắt buộc	2 TC
3	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: 72 TC	Bắt buộc	72 TC
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 90 TC (đối với NCS có trình độ thạc sĩ) 120 TC (đối với NCS có trình độ đại học)			

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/Thảo luận	Thực hành	Tự học			
		Phần 1. Các học phần bổ sung kiến thức	30							
		Khối kiến thức cơ sở								
		Các học phần bắt buộc	3							
1	1NV101	Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại	3	27	30	6	135	1		Ngữ văn
		Các học phần tự chọn	9							
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
2	1NV105	Ngôn ngữ và văn học	3	27	30	6	135	1		Ngữ văn
	1NV104	Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt	3	27	30	6	135	1		Ngữ văn
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
3	1NV102	Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
	1NV106	Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
4	1NV107	Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế	3	27	27	9	135	1		Ngữ văn

		giới thế kỉ XXI								
	1NV108	Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông	3	27	27	9	135	1		Ngữ văn
	Khối kiến thức chuyên ngành		14							
	Các học phần bắt buộc		9							
5	1NV218	Tam giáo và văn học trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
6	1NV219	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
7	1NV224	Thơ Việt Nam hiện đại	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
	Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)		5							
8-9	1NV221	Thi pháp ca dao	2	18	18	6	90	2	0	Ngữ văn
	1NV222	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	2	0	Ngữ văn
	1NV223	Thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại	2	18	18	6	90	2	0	Ngữ văn
	1NV216	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	3	27	30	6	135	2	0	Ngữ văn
	1NV227	Văn học và môi trường	2	18	18	6	90	2	0	Ngữ văn
	Chuyên đề Thạc sĩ (chọn 2 chuyên đề)		6							
10-11	1NVC01	Các khuynh hướng tiếp cận văn học Việt Nam trung đại	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC10	Văn học Việt Nam trong mối giao lưu khu vực và thế giới	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC08	Văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC15	Văn học Việt Nam về đề tài lịch sử	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC13	Văn học Việt Nam về đề tài chiến tranh	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC17	Văn học Việt Nam về đề tài nông dân, nông thôn	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC12	Văn học Việt Nam về đề tài công nhân	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC14	Văn học Việt Nam về đề tài đô thị	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	1NVC16	Văn học Việt Nam về	3	5			193	2	1-10	Ngữ

		đề tài miền núi								văn
	1NVC11	Văn học Việt Nam và vấn đề giới	3	5			193	2	1-10	Ngữ văn
	Phần II. Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan									
A	Các học phần ở trình độ tiến sĩ		10							
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6							
1	1VH201	Văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn văn hoá	3	27	30	6	135	3		Ngữ văn
2	1VH202	Sự hình thành và phát triển của các thể loại văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay	3	27	30	6	135	3		Ngữ văn
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)</i>		4							
3	1VH203	Vận dụng lý thuyết văn học hiện đại phương Tây vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam	4	36	40	8	180	3		Ngữ văn
	1VH204	Văn xuôi Việt Nam trong bối cảnh Đông Á đầu thế kỷ XX	4	36	40	8	180	3		Ngữ văn
	1VH205	Một số vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam đương đại	4	36	40	8	180	3		Ngữ văn
	1VH206	Thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại - tiến trình và đặc điểm	4	36	40	8	180	3		Ngữ văn
B	Chuyên đề tiến sĩ		6							
	<i>Chuyên đề bắt buộc</i>		2							
4	1NVC20	So sánh văn học và việc vận dụng phương pháp so sánh vào nghiên cứu văn học Việt Nam	2	5				3		Ngữ văn
	<i>Chuyên đề tự chọn</i>									
5	1NVC18	Chuyên đề tự chọn 1	2	5				3		
6	1NVC19	Chuyên đề tự chọn 2	2	5				3		
C	Tiểu luận tổng quan		2					3		
	Phần III. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ		72					4-8		

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư			
Phó giáo sư		4	4
Tiến sỹ	4	10	14
Thạc sỹ			
Đại học			

4.2. Phòng học: Phòng học có đầy đủ trang thiết bị: bảng, máy chiếu, wifi...

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan:

- Thư viện có đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các môn học, các sách báo khác thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn.
- Phòng bảo vệ luận văn có đầy đủ trang thiết bị (máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...), lịch sự, hiện đại.

V. Đề cương học phần

Phần I. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

Theo chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam hiện hành được Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức phê duyệt.

Phần II. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

M1. Văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa/Medieval Vietnamese literature from a cultural perspective

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)
- Mã học phần: 1VH201
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về văn học trung đại Việt Nam, vận dụng lý thuyết về văn hóa trong nghiên cứu văn học Việt Nam nói chung và triển khai nghiên cứu ứng dụng vào văn học trung đại Việt Nam nói riêng, cụ thể: Xác định địa vị của văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học; Hệ thống các vấn đề tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam; Mối quan hệ giữa văn hóa, văn học và hiện thực; Sự thể hiện con người trong văn học trung đại nhìn từ góc độ văn hóa: con người trong văn học từ góc nhìn văn hóa chính trị, con người trong văn học nhìn từ góc độ văn hóa ứng xử với thiên nhiên, con người trong văn học và văn hóa ứng xử với thân thể; Tiếp cận dưới góc nhìn văn hóa với một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về văn học trung đại Việt Nam, những kiến thức cần thiết về văn hóa. Cụ thể: xác định được địa vị của văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học; hệ thống được các vấn đề tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam; nắm được

mối quan hệ giữa văn hóa, văn học và hiện thực; sự thể hiện con người trong văn học trung đại nhìn từ góc độ văn hóa. Hiểu và nắm được các yếu tố văn hóa được phản ánh trong văn học trung đại Việt Nam (tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nghệ thuật truyền thống hay ngôn ngữ, tính cách con người...). Ngoài ra, người nghiên cứu có thêm kiến thức về các lĩnh vực liên ngành để có cơ sở nghiên cứu thích hợp và có thể phát hiện nhiều mặt, hợp lí và hay về các yếu tố văn hoá trong tác phẩm văn học.

CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy Ngữ văn ở các bậc trung học và phân văn học trung đại Việt Nam ở bậc giáo dục chuyên nghiệp; có kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp về văn học trung đại Việt Nam nhìn từ góc độ văn hóa, có thể soi rọi lại những giá trị văn hoá được phản ánh về chiều sâu trong văn học, vốn là “sự thâm nhập và tồn tại của văn hoá trong các hiện tượng đời sống”, cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, có tinh thần sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với văn học trung đại Việt Nam và văn hóa Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học thông hiểu khái niệm văn hóa, văn học, những đặc trưng của văn học và văn hóa.

- CLO2: Người học có kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về văn học trung đại Việt Nam, văn hóa Việt Nam: những đặc điểm cơ bản của văn học trung đại, các yếu tố văn hóa truyền thống và ngoại nhập...; có cái nhìn liên ngành trong tiếp cận văn học trung đại.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về văn hóa, văn học để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc văn học trung đại Việt Nam.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung [20 (9LT, 10 TL, 1 TH)]

1.1. Địa vị của văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học

1.1.1. Quan niệm về văn hóa

1.1.2. Địa vị của văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học

1.1.3. Địa vị của văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt

Nam

1.2. Hệ thống các vấn đề tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam

1.2.1. Phương pháp tiếp cận văn hóa học trong nghiên cứu văn học

1.2.2. Hệ thống tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam

1.2.2.1. Tiếp cận văn hóa từ phương diện thể hiện con người

1.2.2.2. Tiếp cận văn hóa từ các tác giả và tác phẩm cụ thể

1.3. Mối quan hệ giữa văn hóa, văn học và hiện thực

1.3.1. Văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hoá, có vai trò to lớn trong việc sáng tạo và phát triển văn hoá

1.3.2. Văn hoá – một hệ thống kí hiệu và việc giải mã văn hoá của văn học

1.3.3. Nguyên tắc phản ánh thực tại của nhà Nho trong văn học trung đại Việt Nam

at

Chương 2. Sự thể hiện con người trong văn học trung đại nhìn từ góc độ văn hóa [21 (9 LT, 10 TL, 2 TH)]

- 2.1. Con người trong văn học từ góc nhìn văn hóa chính trị
 - 2.1.1. Văn hóa chính trị trong văn học Việt Nam giai đoạn thế kỷ X-XV
 - 2.1.2. Văn hóa chính trị trong văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX
 - 2.1.3. Văn hóa chính trị trong văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX
- 2.2. Con người trong văn học nhìn từ góc độ văn hóa ứng xử với thiên nhiên
 - 2.2.1. Thiên nhiên đi vào thơ theo nguyên lý “xúc cảnh sinh tình”
 - 2.2.2. Thiên nhiên đối tượng đề vịnh của thi nhân
 - 2.2.3. Thiên nhiên giao hòa với con người
- 2.3. Con người trong văn học và văn hóa ứng xử với thân thể
 - 2.3.1. Ứng xử với thân thể theo quan điểm của đạo Phật
 - 2.3.2. Ứng xử với thân thể theo quan niệm của Đạo gia và theo quan điểm về con người tự nhiên.
 - 2.3.3. Ứng xử với thân thể theo quan niệm Nho gia

Chương 3. Tiếp cận văn hóa với một số tác giả, tác phẩm trung đại tiêu biểu [22 (9 LT, 10 TL, 3 TH)]

- 3.1. Nguyễn Trãi và *Bình Ngô đại cáo*, *Quốc âm thi tập*
 - 3.1.1. Loại hình học văn hóa trung đại trong *Bình Ngô đại cáo*
 - 3.1.2. Yếu tố văn hóa trong thơ *Hồng Đức quốc âm thi tập*
- 3.2. Nguyễn Du và *Truyện Kiều*
 - 3.2.1. Cội nguồn văn hóa trong *Truyện Kiều*
 - 3.2.2. Triết lý *Truyện Kiều* trong bối cảnh văn hóa xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX
 - 3.2.3. Nhận vật *Truyện Kiều* và vấn đề tiếp cận nhân học văn hóa
- 3.3. Truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX
 - 3.3.1. Yếu tố văn hóa trong truyện thơ Nôm từ phương diện nội dung
 - 3.3.2. Yếu tố văn hóa trong truyện thơ Nôm từ phương diện nghệ thuật
- 3.4. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương
 - 3.4.1. Dấu ấn văn hóa dân gian trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương từ đề tài, chủ đề
 - 3.4.2. Yếu tố văn hóa trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương từ phương diện ngôn ngữ
- 3.5. Thơ Nôm Nguyễn Khuyến
 - 3.5.1. Cội nguồn văn hóa trong thơ văn Nguyễn Khuyến
 - 3.5.2. Bức tranh sinh hoạt nông thôn trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	X
Vấn đáp	X		
Tự học	X	X	X

đc

Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và tinh thần, thái độ học tập/nghiên cứu)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...	Rubric 2 (đánh giá năng lực thuyết trình/vấn đáp/thảo luận; năng lực hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm...)	CLO1, CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, thực hiện đầy đủ các hình thức kiểm tra thường xuyên, hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu... để thực hành thuyết trình, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/ Tài liệu tham khảo chính

[1]. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Nho Thìn (2017), *Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu giảng dạy văn học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Đình Chú (chủ biên), Biện Minh Điền, Trần Văn Toàn, Nguyễn Đức Can (biên soạn) (2021), *Văn học Việt Nam trung cận đại - hướng tiếp cận và vấn đề nghiên cứu*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Văn Dân (2020), *Văn hóa - văn học dưới góc nhìn liên không gian*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

[3]. Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

M2. Sự hình thành và phát triển của các thể loại văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay/ The formation and development of Vietnamese literary genres from the beginning of the twentieth century to the present

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 thực hành)

- Mã học phần: 1VH202

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần: Học phần cung cấp kiến thức lí thuyết cơ bản, chuyên sâu về tiến trình văn học, thể loại văn học, sự vận động của thể loại trong tiến trình văn học; sự hình thành, vận động, phát triển của các thể loại văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay: Những tác động từ điều kiện khách quan, chủ quan đến sự hình thành, vận động phát triển của thể loại; Những điểm cần lưu ý, những nét chính trong quá trình vận động của thể loại (tương quan giữa các thể loại; tính chất tiêu biểu, sự kế thừa - đổi mới; tính dự báo...).

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về tiến trình văn học, thể loại văn học, sự vận động của các thể loại văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay. Cụ thể: hiểu, trình bày, giải thích được các khái niệm *Tiến trình văn học, Thể loại văn học*; đánh giá được sự hình thành, vận động, phát triển của các thể loại: sự tác động của điều kiện khách quan, sự vận động nội tại, tương quan giữa các thể loại, những điểm kế thừa - đổi mới của thể loại ở từng chặng trong suốt hành trình văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy Ngữ văn ở các bậc trung học và phân văn học Việt Nam hiện đại ở bậc giáo dục chuyên nghiệp; có kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp sự vận động của các thể loại văn học Việt Nam hiện đại, cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, có tinh thần sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với văn học hiện đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học thông hiểu khái niệm Tiến trình, Tiến trình văn học hiện đại Việt Nam, Thể loại văn học, sự vận động của thể loại...

- CLO2: Người học có kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về hệ thống thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay: quá trình vận động, những điểm cơ bản trong tương quan giữa các thể loại, sự kế thừa - đổi mới...;

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về thể loại để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc thể loại văn học Việt Nam hiện đại

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung [10 (6 LT; 4 TL; 0 TH)]

1.1. Một số hướng tiếp cận văn học hiện nay

1.1.1. Hướng tiếp cận truyền thống

1.1.2. Những hướng tiếp cận mới

1.2. Tiếp cận văn học từ thể loại - điểm mạnh và giới hạn

1.2.1. Tiếp cận văn học từ thể loại - hướng tiếp cận cần thiết trong bối cảnh nghiên cứu văn học hiện nay

1.2.2. Những giới hạn trong tiếp cận văn học từ thể loại

Chương 2. Sự xuất hiện của các thể loại văn học hiện đại trong nền văn học Việt Nam (từ đầu thế kỉ XX đến 1945) [18 (9 LT; 7 BT, TL; 2 TH)]

2.1. Tác động của điều kiện khách quan và sự vận động nội tại của văn học

2.1.1. Làn gió phương Tây “xa lạ và hấp dẫn”

2.1.2. Sự chuyển mình trong nội tại của văn hóa, văn học

2.2. Một hệ thống thể loại văn học mới mang tính hiện đại và toàn cầu thay thế các thể loại văn học “già nua” và mang tính chất khu vực

2.2.1. Tiểu thuyết, Truyện ngắn, Ký... lần lượt ra đời và khẳng định vị thế

2.2.2. Thơ chuyển mình mạnh mẽ từ “thơ cũ” thành “thơ mới”

2.2.3. Kịch nói chính thức ra đời

2.2.4. Nghiên cứu văn học hình thành với đầy đủ ba bộ môn: Lí luận văn học, Lịch sử văn học, Phê bình văn học

Chương 3. Sự vận động của các thể loại văn học theo định hướng của nền văn học Cách mạng (từ 1945 đến 1975) [16 (6 LT; 8 BT, TL; 2 TH)]

3.1. Chiến tranh - bối cảnh đặc biệt của lịch sử và sự chi phối đến văn hóa, văn học

3.1.1. Hai cuộc kháng chiến và định hướng chỉ đạo của Đảng

3.1.2. Ý thức “nhập cuộc” và trách nhiệm của văn học

3.2. Các thể loại văn học vận động theo định hướng nền văn học Cách mạng

3.2.1. Văn xuôi: Xu hướng nghiêng về hình thức truyền thống; chưa đồng đều trong tương quan các thể loại

3.2.2. Thơ: phát triển phong phú, đa dạng và đạt nhiều thành tựu

3.2.3. Nghiên cứu - phê bình văn học có nhiều khác biệt giữa hai miền Nam - Bắc

Chương 4. Sự vận động của các thể loại văn học trong xu thế đổi mới và hội nhập thế giới (từ sau 1975 đến nay) [19 (9 LT; 8 BT, TL; 2 TH)]

4.1. Vận hội mới của đất nước và nhu cầu đổi mới, hội nhập của văn học

4.1.1. Cơ hội mới và thách thức đòi hỏi sự vận động ở mọi lĩnh vực của xã hội

4.1.2. Nhu cầu đổi mới của văn học: kế thừa và đổi mới

4.2. Sự vận động của các thể loại văn học: Đa dạng, phong phú, phức tạp

4.2.1. Văn xuôi: Thể hiện rõ tinh thần nhập cuộc ở thời điểm những năm sau chiến tranh; nỗ lực đổi mới, cách tân theo hướng hiện đại, hậu hiện đại ở giai đoạn sau đổi mới

4.2.2. Thơ: Sự thay đổi về tư duy nghệ thuật trong giai đoạn từ 1975-1985 và những chuyển động mạnh mẽ theo hướng cách tân giai đoạn từ sau 1986

4.2.3. Kịch nói: bám sát thực tiễn đời sống và có nhiều thành tựu

4.2.4. Nghiên cứu - phê bình văn học: Tiếp thu, vận dụng nhiều lý thuyết hiện đại phương Tây

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	x
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và tinh thần, thái độ học tập/nghiên cứu)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...	Rubric 2 (đánh giá năng lực thuyết trình/vấn đáp/thảo luận; năng lực hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm...)	CLO1, CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, thực hiện đầy đủ các hình thức kiểm tra thường xuyên, hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu... để thực hành thuyết trình, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/ Tài liệu tham khảo chính

[1]. Phan Cự Đệ (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Đình Sử (chủ biên) (2021), *Lược sử văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Lê Tú Anh (2019), *Đề tài thơ hương trong văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XXI* (chuyên luận), Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

[3]. Hòa Diệu Thúy (2022), *Sự đọc, chỉ dấu và đường biên*, Nxb Văn học, Hà Nội.

M3. Vận dụng lý thuyết văn học hiện đại phương Tây vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam/ *The application of Western modern literature theory into the study of Vietnamese literature*

- Số tín chỉ: 4 (36 Lý thuyết, 40 Thảo luận, 8 Thực hành)

- Mã học phần: 1VH203

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu chuyên sâu một số lý thuyết văn học hiện đại phương Tây và cách vận dụng sao cho phù hợp, có hiệu quả vào việc nghiên cứu các vấn đề văn học sử Việt Nam như: Lý thuyết diễn ngôn, Lý thuyết chấn thương, Phân tâm học, Chủ nghĩa Hậu hiện đại, Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, Lý thuyết trò chơi, Phê bình nữ quyền, Phê bình sinh thái, Phê bình hậu thực dân...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, chuyên sâu về các trường phái và lý thuyết văn học hiện đại phương Tây tiêu biểu; cụ thể là: hiểu được bản chất của lý thuyết/phương pháp; diễn giải được các nội dung lý thuyết có thể vận dụng để nghiên cứu các vấn đề văn học.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức về một số lý thuyết văn học hiện đại phương Tây đã tiếp nhận vào việc nghiên cứu - phê bình văn học, nhất là văn học Việt Nam, giảng dạy các tác phẩm văn học ở các bậc trung học và ở bậc giáo dục chuyên nghiệp.

- CO3: Người học có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức lí thuyết văn học để giải quyết một số vấn đề thuộc khoa học Văn học và linh hoạt vận dụng trong nghiên cứu, giảng dạy, phát triển nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được bản chất của một số lí thuyết văn học hiện đại phương Tây tiêu biểu như Lí thuyết tiếp nhận văn học, Lí thuyết diễn ngôn, Lí thuyết chấn thương, Phân tâm học, Chủ nghĩa hậu hiện đại, Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, Lý thuyết trò chơi, Phê bình nữ quyền, Phê bình sinh thái, Phê bình hậu thực dân...

- CLO2: Diễn giải được các nội dung lí thuyết có thể vận dụng để nghiên cứu các vấn đề văn học Việt Nam.

- CLO3: Trên cơ sở các kiến thức về lí thuyết văn học hiện đại phương Tây, phát hiện ra những vấn đề có tính mới trong đời sống và lịch sử văn học Việt Nam; vận dụng thành thạo các nội dung lí thuyết để nghiên cứu - phê bình, giảng dạy các vấn đề văn học sử Việt Nam, góp phần phát triển tri thức chuyên ngành.

- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, khoa học trong hoạt động nghiên cứu - phê bình, giảng dạy các vấn đề văn học sử Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Nhìn chung về khoa nghiên cứu - phê bình văn học Việt Nam [22 (12 LT, 10 BT-TL, 0 TH)]

1.1. Khái lược về khoa nghiên cứu - phê bình văn học Việt Nam

1.1.1. Điều kiện ra đời

1.1.2. Quá trình phát triển

1.2. Một số thành tựu của việc vận dụng các lí thuyết văn học hiện đại phương Tây vào nghiên cứu - phê bình văn học Việt Nam

1.2.1. Thành tựu nổi bật giai đoạn 1930-1945

1.2.2. Thành tựu nổi bật giai đoạn 1954-1975

1.2.3. Thành tựu nổi bật giai đoạn từ sau 1986

Chương 2. Một số lí thuyết văn học hiện đại phương Tây: bản chất và đặc điểm [31 (17 LT, 15 BT-TL, 4 TH)]

2.1. Lí thuyết diễn ngôn

2.2. Lí thuyết chấn thương

2.2.1. Chỉ ra mức độ dữ dội, khốc liệt của sự va chạm/đụng độ

2.2.2. Tính chất không thể chịu đựng nổi việc còn sống sót sau sự đụng độ

2.2.3. Tự sự chấn thương là cách lặp lại một vết thương nguyên thủy

2.3. Phân tâm học

2.4. Chủ nghĩa hậu hiện đại

2.5. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo

2.6. Lý thuyết trò chơi

2.7. Phê bình nữ quyền

2.7.1. Khẳng định thiên tính/thiên chức/thiên năng của nữ giới

2.7.2. Khẳng định quyền lợi, vị thế, đóng góp... của nữ giới

2.7.3. Đấu tranh cho bình đẳng giới

2.8. Phê bình sinh thái

- 2.8.1. Thể hiện mối quan hệ khăng khít giữa con người và tự nhiên
- 2.8.2. Phơi bày thực trạng môi trường bị hủy hoại
- 2.8.3. Cảnh báo về những hậu quả của khủng hoảng môi trường
- 2.8.4. Kêu gọi trở về với thiên nhiên, tụng ca thiên nhiên

2.9. Phê bình hậu thực dân

Chương 3. Một số lí thuyết văn học hiện đại phương Tây: khả năng vận dụng vào nghiên cứu - phê bình văn học Việt Nam [31 (17 LT, 15 BT-TL, 4 TH)]

3.1. Lí thuyết diễn ngôn

- 3.2.1. Nhận diện những nội dung xã hội của văn học trong mối quan hệ với khung tri thức của thời đại
- 3.2.2. Luận giải sự giao cắt và tương tác phức tạp giữa các diễn ngôn của một thời đại

3.2. Lí thuyết chấn thương

- 3.2.1. Tìm kiếm kiểu con người chấn thương và luận giải nguyên nhân của nó
- 3.2.2. Nhận diện và luận giải đặc điểm của tự sự chấn thương

3.3. Phân tâm học

3.4. Chủ nghĩa Hậu hiện đại

3.5. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo

3.6. Lý thuyết trò chơi

3.7. Phê bình nữ quyền

- 3.7.1. Tìm kiếm vẻ đẹp mang tính nữ
- 3.7.2. Tìm kiếm mối quan hệ bình đẳng giữa nữ giới và nam giới

3.8. Phê bình sinh thái

- 3.8.1. Tìm kiếm mối quan hệ giữa “văn hóa” và “tự nhiên”
- 3.8.2. Chất vấn tư tưởng đặt con người ở vị trí trung tâm
- 3.8.3. Tính giải cấu trúc/hậu cấu trúc luận trong cách viết

3.9. Phê bình hậu thực dân

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		x
Vấn đáp	x			x
Tự học	x	x		x
Thảo luận	x	x	x	x
Thực hành	x		x	x
Hướng dẫn		x		x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x
Chuyên đề			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và tinh thần, thái độ học tập/nghiên cứu</i>)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...	Rubric 2 (<i>đánh giá năng lực thuyết trình/vấn đáp/thảo luận; năng lực hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm...</i>)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (<i>Thi viết</i>)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, thực hiện đầy đủ các hình thức kiểm tra thường xuyên, hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu... để thực hành thuyết trình, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học***Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc***

[1]. Lã Nguyên (2018), *Số phận lịch sử của các lý thuyết văn học*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

[2]. Nhiều tác giả (2019), *Các lý thuyết và phương pháp văn học*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Tú Anh (2018), *Văn xuôi Việt Nam hiện đại - khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2]. Trường Đại học Hồng Đức (2013), *Lý thuyết phê bình văn học hiện đại, tiếp nhận và ứng dụng*, Nxb Đại học Vinh.

[3]. Lê Huy Bắc (2019), *Văn học hậu hiện đại*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.

M4. Văn xuôi Việt Nam trong bối cảnh Đông Á đầu thế kỷ XX/Vietnamese prose in the East Asia context of the early 20th century

- Số tín chỉ: 4 (36 Lý thuyết, 40 Thảo luận, 8 Thực hành)
- Mã học phần: 1VH204
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 5 chương, cung cấp tri thức và hướng dẫn NCS nghiên cứu chuyên sâu về văn xuôi Đông Á đầu thế kỷ XX, trong đó hạt nhân cấu trúc là văn xuôi Việt Nam. Trong cái nhìn tham chiếu với các nền văn học khu vực Đông Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), học phần chỉ ra những tương đồng và khác biệt về bối cảnh lịch sử của sự hình thành văn xuôi hiện đại, sự hình thành và phát triển, những thành tựu và đóng góp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu về văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XX trong tương quan so sánh với văn xuôi các nước khu vực Đông Á; cụ thể là: hiểu, trình bày, giải thích được khái niệm “văn xuôi”, “khu vực Đông Á”; các điều kiện xuất hiện văn xuôi hiện đại; sự hình thành và các chặng vận động, phát triển, thành tựu, đóng góp của văn xuôi hiện đại trong nền văn học Việt Nam và văn học các nước khu vực Đông Á.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy Ngữ Văn ở các bậc trung học và phần văn học Việt Nam, văn học châu Á ở bậc giáo dục chuyên nghiệp; có kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp về văn xuôi hiện đại trong cái nhìn so sánh; kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về văn xuôi để giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học và linh hoạt vận dụng trong nghiên cứu, giảng dạy; có niềm yêu thích đối với văn xuôi hiện đại Việt Nam và các nước khu vực Đông Á.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Nắm được các khái niệm cơ bản như “văn xuôi”, “khu vực Đông Á”; các điều kiện xuất hiện văn xuôi hiện đại; sự hình thành và các chặng vận động, phát triển, thành tựu, đóng góp của văn xuôi hiện đại trong nền văn học Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Á.

- CLO2. Nhận diện, luận giải được những tương đồng và khác biệt của sự hình thành, phát triển, thành tựu văn xuôi Việt Nam và các nước khu vực Đông Á.

- CLO3. Thể hiện được đạo đức khoa học và kỹ năng nghiên cứu các thể loại thuộc loại hình văn xuôi, kỹ năng nghiên cứu của bộ môn Văn học so sánh.

- CLO4. Thể hiện được thái độ quan tâm, yêu thích các sáng tác văn xuôi của Việt Nam và các nước khu vực Đông Á; tích cực, sáng tạo trong việc giải quyết các

vấn đề liên quan đến văn xuôi và văn xuôi khu vực Đông Á.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Một số vấn đề cần giới thuyết [10 (4 LT, 6 BT-TL, 0 TH)]

1.1. Khu vực Đông Á

1.1.1. Định nghĩa

1.1.2. Giao lưu văn hóa, văn học trong khu vực Đông Á trước thế kỷ XX

1.2. Quan niệm về *Văn xuôi*

1.3. Giai đoạn “đầu thế kỷ XX”

Chương 2. Bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của sự hình thành văn xuôi ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Đông Á [20 (8 LT, 10 BT-TL, 2 TH)]

2.1. Việt Nam

2.1.1. Sự phá vỡ hình thái kinh tế - xã hội phong kiến

2.1.2. Những điều kiện văn hóa của cuộc hiện đại hóa văn học

2.2. Trung Quốc

2.1.1. Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến dần thay đổi

2.1.2. Những điều kiện văn hóa của cuộc hiện đại hóa văn học

2.3. Nhật Bản

2.1.1. Nguy cơ xâm lược của phương Tây và cuộc cải cách giáo dục

2.1.2. Chủ động đón “làn gió mới” từ phương Tây

2.4. Hàn Quốc

2.1.1. Sự xuất hiện của Nhật Bản (thay thế Trung Quốc) ở Triều Tiên

2.1.2. Những ảnh hưởng văn hóa phương Tây khúc xạ qua Nhật Bản

2.5. Điểm tương đồng và khác biệt

2.5.1. Những tương đồng

2.5.2. Những khác biệt

Chương 3. Sự hình thành và phát triển của văn xuôi hiện đại ở khu vực Đông Á đầu thế kỷ XX [20 (9 LT, 9 BT-TL, 2 TH)]

3.1. Việt Nam

3.1.1. Mô phỏng, phóng tác các loại hình tự sự truyền thống

3.2.1. Mô phỏng, phóng tác truyện của nước ngoài

3.3.1. Thoát thai những ảnh hưởng, vay mượn

3.4.1. Văn xuôi hiện đại Việt Nam ra đời (giai đoạn 1930-1945)

3.2. Trung Quốc

3.2.1. Mô phỏng văn phong hiện đại phương Tây và NB

3.2.2. Sự xuất hiện của truyện ngắn và tiểu thuyết

3.2.3. Sự xuất hiện của lý thuyết về văn xuôi, nhất là tiểu thuyết

3.3. Nhật Bản

3.4. Hàn Quốc

3.5. Điểm tương đồng và khác biệt

Chương 4. Thành tựu và đóng góp của văn xuôi đầu thế kỷ XX trong nền văn học của Việt Nam và một số quốc gia khu vực Đông Á [20 (9 LT, 9 BT-TL, 2 TH)]

4.1. Việt Nam

4.2. Trung Quốc

4.3. Nhật Bản

4.5. Điểm tương đồng và khác biệt

4.4. Hàn Quốc

Chương 5. Nhìn chung về sự tương đồng và khác biệt [14 (6 LT, 6 BT-TL, 2 TH)]

5.1. Sự tương đồng

5.1.1. Những nét tương đồng

5.1.2. Nguyên nhân của sự tương đồng

5.2. Sự khác biệt

5.2.1. Những nét khác biệt

5.2.2. Nguyên nhân của sự khác biệt

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		x
Vấn đáp	x	x	x	x
Tự học	x	x		x
Thảo luận	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x
Hướng dẫn		x	x	x
Hoạt động nhóm	x			x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x
Chuyên đề		x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và tinh thần, thái độ học tập/nghiên cứu)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...	Rubric 2 (đánh giá năng lực thuyết trình/vấn đáp/thảo luận; năng lực hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm...)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, thực hiện đầy đủ các hình thức kiểm tra thường xuyên, hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu... để thực hành thuyết trình, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Đoàn Lê Giang, Nhật Chiêu, Trần Thị Phương Phương (tuyển chọn), *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2013.

[2]. *Quá trình hiện đại hóa văn học Nhật Bản và các nước khu vực văn hóa chữ Hán: Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc (từ cuối TK XIX đến đầu thế kỷ XX)*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG – HCM, 2010.

Tài liệu tham khảo

[1]. *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2015.

[2]. Lê Tú Anh (2012), *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3]. Claudine Salmon biên soạn, *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc ở Châu Á (từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX)*, Trần Hải Yến dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.

M5. Một số vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam đương đại/ Some issues of contemporary Vietnamese literature

- Số tín chỉ: 4 (36 Lý thuyết, 40 Thảo luận, 8 Thực hành)
- Mã học phần: 1VH205
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về một số vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam đương đại, cụ thể là: Những điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa tác động đến sự vận động của văn học; vấn đề đổi mới tư duy như là yếu tố tiền đề, chìa khóa dẫn đến đổi mới văn học; những đặc điểm, quy luật vận động của văn học; những vấn đề nổi bật của thơ đương đại, văn xuôi đương đại, lí luận phê bình văn học đương đại...

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, chuyên sâu, tiên tiến về văn học Việt Nam đương đại, nhất là những vấn đề nổi bật của đời sống văn học. Cụ thể: Năm

được, giải thích được một số khái niệm cơ bản; Hiểu sâu, đánh giá được sự tác động của điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa như những cú hích tạo nên sự vận động, đổi mới của văn học đương đại; những đổi mới về tư duy như yếu tố tiền đề của quá trình vận động, phát triển; nhận diện và phân tích được những đặc điểm, quy luật vận động của văn học; nhận diện và phân tích được những vấn đề nổi bật của thơ đương đại, văn xuôi đương đại, lí luận phê bình văn học đương đại...

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc nghiên cứu, giảng dạy văn học Việt Nam; kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp về văn học Việt Nam đương đại cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, có tinh thần sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với văn học đương đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Nắm được bản chất của một số vấn đề cơ bản trong đời sống văn học Việt Nam đương đại như tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa làm nảy sinh các vấn đề văn học mới, đặc điểm của văn học đương đại, những vấn đề nổi bật của thơ đương đại, văn xuôi đương đại, lí luận phê bình văn học đương đại.

- CLO2: Vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn để tiếp tục phát hiện ra những vấn đề có tính mới trong đời sống văn học Việt Nam đương đại.

- CLO3: Thể hiện được đạo đức khoa học và kỹ năng nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác giả/tác phẩm trong văn học Việt Nam đương đại.

- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, khoa học trong hoạt động nghiên cứu, phê bình, giảng dạy các vấn đề văn học Việt Nam đương đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Một số khái niệm [9 (4 LT, 5 BT-TL, 0 TH)]

- 1.1. Văn học Việt Nam đương đại
- 1.2. Đổi mới, cách tân văn học
- 1.3. Đổi mới hệ hình sáng tác, nghiên cứu
- 1.4. Thế hệ nhà văn

Chương 2. Những “cú hích” lịch sử, văn hóa, xã hội của sự vận động, phát triển văn học [10 (4 LT, 6 BT-TL, 0 TH)]

- 1.1. Đổi mới tư duy chính trị và nhận thức văn hóa, xã hội
 - 1.1.1. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Trung ương V về văn học nghệ thuật và vấn đề đổi mới tư duy
 - 1.1.2. Tiếp thu những tư tưởng nghệ thuật hiện đại, hậu hiện đại từ nước ngoài
- 1.2. Đổi mới quan niệm về nhà văn, bạn đọc
 - Từ bỏ vai trò “phát ngôn”, “lĩnh xướng”, nhà văn khát khao sáng tạo
 - Từ bỏ vai trò khiêm tốn, nhún nhường, bạn đọc trở thành người “đồng sáng tạo”, kiến tạo những giá trị
- 1.3. Đổi mới quan niệm về văn chương, về hiện thực phản ánh
 - 2.3.1. Đổi mới quan niệm về vai trò, vị trí, chức năng của văn chương
 - 2.3.2. Đổi mới quan niệm về hiện thực và phản ánh hiện thực
- 1.4. Tác động của nền kinh tế thị trường và bối cảnh công nghiệp hóa, toàn cầu hóa
 - 1.2.1. Kinh tế thị trường thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa
 - 1.2.2. Kinh tế thị trường tạo tiền đề cho khả năng hội nhập, giao lưu văn hoá, văn học

1.2.3. Kinh tế thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động sáng tác và thưởng thức văn học

Chương 3. Đặc điểm chung của văn học Việt Nam đương đại [14 (6 LT, 6 BT-TL, 2 TH)]

3.1. Phát triển cởi mở theo hướng giao lưu, hội nhập

- Dịch thuật, phổ biến các công trình nghiên cứu và tác phẩm của nhiều nền văn học lớn

- Xuất hiện và chấp nhận (ở mức độ nhất định) các hướng tìm tòi
- Các vấn đề tồn tại

3.2. Chịu tác động lớn của thời đại Internet

3.3. Hình thành các thể hệ nhà văn với các đặc trưng khu biệt

3.4. Hình thành các “khu vực” chính thống và phi chính thống

3.5. Sự tự khẳng định mạnh mẽ của các cây bút nữ

Chương 4. Thơ Việt Nam đương đại [17 (7 LT, 8 BT-TL, 2 TH)]

4.1. Các thể hệ nhà thơ với những “sứ mệnh” riêng

4.1.1. Thế hệ nhà thơ chống Mỹ

4.1.2. Thế hệ Đổi mới

4.1.3. Thế hệ Hậu đổi mới

4.2. Những tìm tòi theo hướng đào sâu vào bản thể

4.2.1. Đi vào các góc ngách riêng tư

4.2.2. Triết luận về đời sống

4.2.3. Khẳng định cái tôi hiện sinh

4.3. Những tìm tòi theo hướng hậu hiện đại

4.3.1. Đặc điểm của những tìm tòi theo hướng hậu hiện đại

4.3.2. Phản ứng của độc giả

Chương 5. Văn xuôi Việt Nam đương đại [18 (8 LT, 8 BT-TL, 2 TH)]

5.1. Các đề tài lớn của văn xuôi

5.1.1. Đề tài chiến tranh

5.1.2. Đề tài lịch sử

5.1.3. Đề tài nông thôn

5.1.4. Đề tài đô thị

5.2. Các vấn đề xã hội đặt ra trong văn xuôi

5.2.1. Thực trạng đời sống

5.2.2. Bản chất tồn tại

5.2.3. Nữ quyền

5.2.4. Số phận con người và bản sắc văn hóa

5.3. Những tìm tòi về hình thức và tính chất của chúng

5.3.1. Kết cấu

5.3.2. Ngôn ngữ

5.3.3. Trần thuật

5.4. Thể loại và sự giao thoa thể loại

5.4.1. Sự lên ngôi của tạp văn, tản văn

5.4.2. Sự nở rộ của chân dung văn học

5.4.3. Sự giao thoa thể loại: tiểu thuyết - tự truyện; nhật ký - hồi ký, thơ - văn

xuôi...

Chương 6. Lý luận – phê bình văn học Việt Nam đương đại [16 (7 LT, 7 BT-TL, 2 TH)]

6.1. Nhu cầu đổi mới lý luận – phê bình

- 6.1.1. Sự đổi mới của sáng tác
- 6.1.2. Sự tự ý thức của các nhà lý luận – phê bình
- 6.1.3. Sự xuất hiện các phương pháp, công cụ đánh giá mới
- 6.2. Các trường phái, lý thuyết phê bình hiện đại được giới thiệu và vận dụng
 - 6.2.1. Tự sự học hiện đại
 - 6.2.2. Ký hiệu học văn hóa
 - 6.2.3. Lý thuyết diễn ngôn
 - 6.2.4. Lý thuyết trò chơi
 - 6.2.5. Nữ quyền luận
 - 6.2.6. Phê bình sinh thái
- 6.3. Nhìn chung về thành tựu
 - 6.3.1. Thành tựu nghiên cứu lý luận
 - 6.3.2. Thành tựu phê bình

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x	x	x
Vấn đáp	x			x
Tự học	x	x	x	x
Thảo luận	x	x		x
Thực hành	x			x
Hướng dẫn		x		x
Hoạt động nhóm	x	x		x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x
Chuyên đề			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và tinh thần, thái độ học tập/nghiên cứu)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...	Rubric 2 (đánh giá năng lực thuyết trình/vấn đáp/thảo luận; năng lực hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm...)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, thực hiện đầy đủ các hình thức kiểm tra thường xuyên, hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu... để thực hành thuyết trình, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/ Tài liệu tham khảo chính

[1]. Nguyễn Văn Long - Lê Nhâm Thìn (đồng chủ biên) (2006), *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Nhiều tác giả (2016), *Thế hệ nhà văn sau 1975: Điện mạo và Thành tựu*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Đình Sử (2014), *Trên đường biên của lý luận văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Đăng Điệp (chủ biên) (2020), *Văn học đại chúng trong bối cảnh văn hóa Việt Nam đương đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3]. Phan Tuấn Anh (2020), *Những khu vực văn học ngoại biên*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

M6. Thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại - tiến trình và đặc điểm/Medieval Vietnamese satirical poetry - process and characteristics

- Số tín chỉ: 4 (36 Lý thuyết, 40 Thảo luận, 8 Thực hành)

- Mã học phần: 1VH206

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu, cập nhật về một số vấn đề cơ bản của thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại, cụ thể là: cơ sở hình thành thơ trào phúng thời trung đại; đặc trưng của thơ trào phúng nói chung và đặc điểm của thơ trào phúng thời trung đại Việt Nam qua hai chặng vận động chính là: thế kỷ XIII - nửa đầu thế kỷ XIX; nửa sau thế kỷ XIX, trong đó có nhấn mạnh một số phong cách trào phúng tiêu biểu như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Kép Trà...

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, chuyên sâu, tiên tiến về văn học trào phúng Việt Nam thời trung đại trong dòng văn học trào phúng Việt Nam. Cụ thể: hiểu và nắm được các khái niệm: *Trào phúng, Văn học trào phúng, Thơ trào phúng*; cơ sở hình thành thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại; phân tích và nhận diện được: thơ trào phúng - một loại hình văn học trào phúng đặc biệt; đặc điểm của thơ trào phúng thế kỷ XIII - nửa đầu thế kỷ XIX; nửa sau thế kỷ XIX với những phong cách trào phúng tiêu biểu: Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Kép Trà.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc nghiên cứu, giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp về thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, có tinh thần sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với văn học trung đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và nắm được các vấn đề cơ bản của thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại: cơ sở hình thành; sự vận động và đặc điểm của thơ trào phúng thế kỷ XIII - nửa đầu thế kỷ XIX; nửa sau thế kỷ XIX với những phong cách trào phúng tiêu biểu.

- CLO2: Vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn để tiếp tục phát hiện ra những vấn đề có tính mới trong thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại.

- CLO3: Thể hiện được đạo đức khoa học và kỹ năng nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác giả/tác phẩm trong thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại.

- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, khoa học trong hoạt động nghiên cứu, phê bình, giảng dạy các vấn đề thơ trào phúng Việt Nam thời trung.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Giới thuyết khái niệm [14 (6 LT, 8 BT-TL, 0 TH)]

1.1. Quan niệm về văn học trào phúng

1.1.1. Quan niệm về “tiếng cười” trong văn học trung đại Việt Nam

1.1.2. Quan niệm về thời gian xuất hiện của văn học trào phúng

1.2. Khái niệm

1.2.1. Trào phúng

1.2.2. Văn học trào phúng

1.2.3. Thơ trào phúng

1.3. Các cấp độ, cung bậc của thơ trào phúng

1.3.1. Hải hước

1.3.2. Châm biếm

1.3.3. Đá kích

1.4. Thơ trào phúng - một loại hình văn học trào phúng đặc biệt

1.4.1. Sự hợp nguyên giữa hai yếu tố tự sự và trữ tình

1.4.2. Thơ trào phúng là một dạng đặc biệt của thơ trữ tình

Chương 2. Cơ sở hình thành thơ trào phúng Việt Nam thời trung đại [18 (8 LT, 8 BT-TL, 2 TH)]

2.1. Cội nguồn văn hóa của văn học trào phúng

2.1.1. Văn hóa khu vực

2.1.2. Văn hóa truyền thống người Việt

2.2. Tiếp thu, ảnh hưởng văn học dân gian

2.2.1. Truyện cười

2.2.2. Ca dao trào phúng

2.3. Khái lược tiến trình thơ trào phúng thời trung đại

2.3.1. Giai đoạn thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIX

2.3.2. Giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX

Chương 3. Thơ trào phúng thế kỷ XIII - nửa đầu thế kỷ XIX [25 (10 LT, 12 BT-TL, 3 TH)]

3.1. Tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa

- 3.1.1. Xã hội Việt Nam đời Trần và nền văn hóa đa tôn giáo hòa đồng
- 3.1.2. Những biến động lịch sử các giai đoạn cuối mỗi triều đại

3.2. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

- 3.2.1. Thơ trào phúng trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi
- 3.2.2. Thơ Nôm trào phúng của Nguyễn Bình Khiêm
- 3.2.3. Thơ Nôm trào phúng của Hồ Xuân Hương
- 3.2.4. Thơ Nôm trào phúng của Nguyễn Công Trứ
- 3.2.5. Thơ chữ Hán trào phúng của Cao Bá Quát

3.3. Đặc điểm của tiếng cười trào phúng**3.3.1. Tiếng cười tự trào hài hước**

- 3.3.1.1. Cười ẩn ý, mỉa mai chua chát
- 3.3.1.2. Cười hài hước

3.3.2. Tiếng cười phê phán, châm biếm

- 3.3.2.1. Phê phán sự xuống cấp của đạo đức xã hội và giai cấp thống trị
- 3.3.2.2. Châm biếm thói đời, giễu cợt nhà nho
- 3.3.2.3. Châm biếm, phê phán muôn mặt của đời sống

Chương 4. Thơ trào phúng nửa sau thế kỷ XIX [27 (12 LT, 12 BT-TL, 3 TH)]**4.1. Tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa**

- 4.1.1. Cuộc xâm lược và bình định của thực dân Pháp
- 4.1.2. Sự xâm nhập mạnh mẽ của nền văn minh phương Tây
- 4.1.3. Sự thay đổi trong quan niệm văn học và lý tưởng thẩm mỹ

4.2. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

- 4.2.1. Thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến
- 4.2.2. Thơ Nôm trào phúng của Trần Tế Xương
- 4.2.3. Thơ trào phúng của Kép Trà

4.3. Đặc điểm của tiếng cười trào phúng

4.3.1. Thơ trào phúng vượt qua tiếng cười hài hước mua vui để tiến đến tiếng cười có chiều sâu và mạnh bạo

4.3.2. Nghệ thuật trào phúng đa dạng, nhiều phong cách

- 4.3.2.1. Tư tưởng, phong cách trào phúng của Nguyễn Khuyến
 - Tiếng cười châm biếm xã hội
 - Tự trào

- 4.3.2.2. Tư tưởng, phong cách trào phúng của Trần Tế Xương
 - Trào phúng quan lại, thị dân
 - Trào phúng chuyện thi cử
 - Tự trào

- 4.3.2.3. Tư tưởng, phong cách trào phúng của Kép Trà
 - Trào phúng gay gắt, đả kích trực diện xã hội thực dân nửa phong kiến
 - Tự trào

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x	x	x
Vấn đáp	x			x
Tự học	x	x	x	x
Thảo luận	x	x		x
Thực hành	x			x

Hướng dẫn		x		x
Hoạt động nhóm	x	x		x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x
Chuyên đề			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và tinh thần, thái độ học tập/nghiên cứu)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...	Rubric 2 (đánh giá năng lực thuyết trình/vấn đáp/thảo luận; năng lực hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm...)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, thực hiện đầy đủ các hình thức kiểm tra thường xuyên, hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu... để thực hành thuyết trình, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/ Tài liệu tham khảo chính

[1]. Trần Thị Hoa Lê (2017), *Văn học trào phúng Việt Nam thời trung đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Vũ Ngọc Khánh (sưu tầm, biên soạn) (1974), *Thơ văn trào phúng Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến 1945*, Nxb Văn học, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Đình Chú (chủ biên), Biện Minh Điền, Trần Văn Toàn, Nguyễn Đức Can (biên soạn) (2021), *Văn học Việt Nam trung cận đại - hướng tiếp cận và vấn đề nghiên cứu*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Đăng Na (2021), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm (tái bản), Hà Nội.

[3]. Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Chuyên đề bắt buộc

So sánh văn học và việc vận dụng phương pháp so sánh vào nghiên cứu văn học Việt Nam/Literary comparison and the application of comparative methods in studying Vietnamese literature

- Số tín chỉ: 3 (5 LT, 193 Tự học)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Ngữ văn

1. Tóm tắt nội dung hướng nghiên cứu của chuyên đề

Chuyên đề trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về những vấn đề lý thuyết: *So sánh văn học*, *Văn học so sánh*, phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn học (Thông hiểu các khái niệm: *So sánh văn học* và *Văn học so sánh*, phân biệt “So sánh văn học” như một phương pháp phổ biến có thể được áp dụng cho nhiều bộ môn với “Văn học so sánh” như một bộ môn văn học sử nằm giữa văn học sử dân tộc và văn học sử thế giới); quá trình phát triển và việc vận dụng phương pháp so sánh để nghiên cứu văn học ở Việt Nam, những thành tựu và hạn chế.

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về so sánh văn học và việc vận dụng phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Cụ thể: làm sáng rõ về mặt lý luận và phương pháp luận các thuật ngữ “So sánh văn học”, “Văn học so sánh”, phân biệt khái niệm “So sánh văn học” như một phương pháp phổ biến có thể được áp dụng cho nhiều bộ môn với “Văn học so sánh” như một bộ môn của khoa học văn học “nghiên cứu các văn bản xuyên qua các nền văn hóa”; việc áp dụng phương pháp so sánh để nghiên cứu văn học ở Việt Nam; đặc biệt vận dụng như thế nào cho hiệu quả phương pháp so sánh trong nghiên cứu những đề tài cụ thể về văn học Việt Nam.

3. Năng lực cần đạt:

- Người học có cái nhìn bao quát, toàn diện, chuyên sâu về so sánh văn học và việc vận dụng phương pháp so sánh vào nghiên cứu văn học Việt Nam, thấy được ý nghĩa khoa học, thực tiễn/tính cấp thiết của vấn đề và có khả năng trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu.

- Người học được rèn luyện năng lực tư duy khoa học, bao gồm việc tìm hiểu chuyên sâu, hệ thống và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để tìm kiếm, phát hiện, giải quyết những vấn đề có tính mới về so sánh văn học, văn học so sánh

- Người học nhớ, hiểu, vận dụng tốt những kiến thức cơ bản về so sánh văn học và văn học so sánh vào việc nghiên cứu và giảng dạy những tác phẩm, tác giả tiêu biểu, đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành

Văn học Việt Nam.

- Người học viết và trình bày được chuyên đề, báo cáo kết quả của chuyên đề nghiên cứu (theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của *Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức* (Quyết định số 2499 /QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021).

4. Yêu cầu của chuyên đề

- Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 5 tiết lí thuyết, % số giờ thực hành, % số giờ tự nghiên cứu;

- Hoàn thành chuyên đề nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên; bộ môn tổ chức đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên theo quy định đào tạo.

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

- Hình thức tổ chức nghiên cứu chuyên đề: Giảng viên định hướng tại lớp (5 tiết), học viên tự nghiên cứu ở nhà, thư viện.

- Phương pháp tổ chức dạy học: Nghiên cứu theo định hướng của giảng viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, thời gian cuối của chuyên đề bố trí ít nhất 01 buổi giải đáp những câu hỏi vướng mắc của học viên, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu.

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề:

Chuyên đề được đánh giá thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá chuyên đề do hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

7. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2]. Nhiều tác giả (2005), *Văn học so sánh - nghiên cứu và triển vọng*, Nxb ĐH Sư Phạm, Hà Nội.

[3]. Trần Đình Sử (2020), *Cơ sở văn học so sánh*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Chuyên đề tự chọn 1

Phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ/ có thể là một nội dung nghiên cứu của luận án. Nghiên cứu sinh chọn và thực hiện dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn luận án tiến sĩ.

Chuyên đề được đánh giá thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá chuyên đề do hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

Chuyên đề tự chọn 2

Phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ/ có thể là một nội dung nghiên cứu của luận án. Nghiên cứu sinh chọn và thực hiện dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn luận án tiến sĩ.

Chuyên đề được đánh giá thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá chuyên đề do hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

Tiểu luận tổng quan

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Bài tiểu luận tổng quan không quá 30 trang đánh máy giấy A4.

Tiểu luận tổng quan được đánh giá thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá do hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

Phần III. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

1. Nghiên cứu khoa học

a) Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của luận án tiến sĩ. Bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh.

b) Thời gian nghiên cứu khoa học được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Luận án tiến sĩ và yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

a) Luận án tiến sĩ tương đương 72 tín chỉ do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu, yêu cầu quy định tại khoản 2, điều 3 Quy định *Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức* ban hành kèm theo quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

b) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

c) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với nhà trường (qua Bộ môn và Phòng QLĐT Sau đại học) các văn bản của các thành viên chính trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ nhận bằng tiến sĩ.

d) Nội dung chủ yếu và đóng góp quan trọng của luận án được đăng trong: kỷ yếu hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh

mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Trong các công bố trên, nghiên cứu sinh phải là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ công trình khoa học; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của sách. Ngoài các yêu cầu trên, kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu 01 bài trên tạp chí *Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*.

đ) Yêu cầu tại điểm d khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

e) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của nhà trường.

g) Về hình thức, luận án phải được trình bày theo đúng quy định của nhà trường (Phụ lục II trong Quy định *Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức*).

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

- [1]. *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016* của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- [2]. *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021* của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- [3]. *Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021* của Bộ GD&ĐT ban hành *Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ*;
- [4]. Quyết định số 2499-QĐ/ĐHHĐ ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng về ban hành *Quy định tuyển sinh và đào tạo Tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức*;
- [5]. Quyết định số 978-QĐ/ĐHHĐ ngày 16/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành *Quy định xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức*.
- [6]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2017.
- [7]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP Hà Nội, nguồn: <http://sdh.hnue.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao/tien-si>
- [8]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, nguồn: <https://hcmue.edu.vn/vi/dao-tao/sau-dai-hoc/nguyen-cuu-sinh/chuong-trinh-dao-tao/1000-chuong-trinh-dao-t-o-trinh-d-ti-n-si>.
- [9]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Tp Hồ Chí Minh, nguồn: <https://hcmussh.edu.vn/news/item/15239>

[10]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP, ĐH Vinh.

[11]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế.

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Chương trình đào tạo chuyên ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng nghiên cứu.
- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quy định hiện hành của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho nghiên cứu sinh. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 36 đến 48 tháng.

+ Thời gian tối đa để nghiên cứu sinh hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trường khoa Khoa học xã hội có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa Khoa học xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

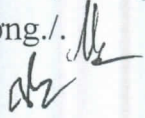
4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần, đánh giá chuyên đề được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

PHỤ LỤC

**Rubric dùng trong đánh giá học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan, luận án tiến sĩ
CTĐT TS chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

1. Rubric đánh giá chuyên cần (Rubric 1)

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ tham dự số giờ giảng lý thuyết	50%	5.0 đến ≥ 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến ≥ 2.5	0 đến < 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 – 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $< 80\%$ số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực trong tham dự các hoạt động học tập	50%	5.0 đến ≥ 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến ≥ 2.5	0 đến < 2.5	
		- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi có chất lượng.	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Tích cực phát biểu, trao đổi, chủ động trả lời câu hỏi.	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Tự giác phát biểu, trả lời câu hỏi.	- Thực hiện đáp ứng $< 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Không phát biểu, không tự giác trả lời câu hỏi.	
Tổng điểm:						

2. Rubric đánh giá thường xuyên (Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Hoạt động nhóm, Lãnh đạo nhóm...) (Rubric 2)

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Thêm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bàn bạc thấu đáo, sâu sắc vấn đề thuyết trình, thảo luận.	Bàn bạc khá thấu đáo vấn đề thuyết trình, thảo luận.	Nêu trúng trọng tâm một số vấn đề.	Ý kiến tản mạn, không làm rõ được chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	
		Khả năng tương tác, dẫn dắt tốt, có thể nêu được những vấn đề mới mẻ, sâu sắc và hướng giải quyết vấn đề hợp lý, khoa học.	Khả năng tương tác, dẫn dắt khá, có thể nêu được vấn đề mới và hướng giải quyết vấn đề.	Khả năng tương tác, dẫn dắt trung bình, có thể nêu được hướng giải quyết vấn đề.	Khả năng tương tác, dẫn dắt hạn chế, chưa nêu được vấn đề nghiên cứu hay hướng giải quyết vấn đề.	
Phương pháp, Phương tiện	10%	1.0 đến ≥ 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≥ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Phương pháp làm việc khoa học, có thể sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học hiện đại.	Có phương pháp làm việc khá, có thể sử dụng khá tốt các phương tiện dạy học hiện đại.	Có phương pháp làm việc, có thể sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại.	Chưa có phương pháp làm việc khoa học, chưa sử dụng tốt các phương tiện dạy học hiện đại.	
Thái độ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Rất tập trung, rất tích cực, chủ động.	Tập trung chú ý, tích cực, chủ động.	Tập trung nhưng chưa chủ động, tích cực.	Không tập trung, thái độ đối phó.	
Tổng điểm:						

3. Rubric đánh giá bài viết (Rubric 3)

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Kiến thức lý thuyết và thực tế đầy đủ, chính xác, hệ thống, sâu sắc.	Kiến thức lý thuyết và thực tế đầy đủ, chính xác, hệ thống.	Kiến thức lý thuyết và thực tế tương đối chính xác, hệ thống.	Kiến thức lý thuyết và thực tế còn lỗ hổng, thiếu chính xác, thiếu hệ thống.	
	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Mở rộng, bàn bạc sâu về vấn đề bằng những ý kiến cá nhân sắc sảo dựa trên cơ sở khoa học, thực tiễn.	Mở rộng, bàn bạc về vấn đề bằng những ý kiến cá nhân dựa trên cơ sở khoa học, thực tiễn.	Đã biết mở rộng, bàn bạc thêm về vấn đề bằng một vài ý kiến cá nhân.	Chưa bàn bạc được vấn đề bằng những ý kiến chủ quan.	
Hình thức	10%	1.0 đến ≥ 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≥ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Bố cục hợp lí, khoa học; trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi morat.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi morat.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi morat, chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi morat, chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	1.0 đến 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≤ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Có kiến giải mới, làm phong phú, sâu sắc vấn đề.	Có sáng tạo, kiến giải mới ở mức độ khá.	Có một chút sáng tạo, kiến giải mới.	Không có sáng tạo, kiến giải mới.	
Tổng điểm:						

4. Phiếu đánh giá Chuyên đề tiến sĩ (Rubric 4)

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

1. Tên chuyên đề:
2. Chuyên ngành: Văn học Việt Nam, mã số: 9220121
3. Họ và tên nghiên cứu sinh:
4. Họ và tên cán bộ đánh giá:
5. Đơn vị công tác:
6. Ngày họp hội đồng đánh giá:/..... năm 20.....
7. Địa điểm:
8. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề Tiến sĩ: số...../QĐ..... ngày/ /20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức
9. Đánh giá Luận án:

Tiêu chí đánh giá	Các chỉ báo đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của CBDG
I. Chuyên đề		8,0	
Tên chuyên đề	Đảm bảo tính khoa học, tính mới, diễn đạt sáng rõ, phù hợp với yêu cầu của chuyên đề.	1,0	
Cơ sở lí luận, thực tiễn	Làm rõ được cơ sở lí luận, thực tiễn của việc lựa chọn chuyên đề nghiên cứu	1,0	
Tổng quan tình hình nghiên cứu	Tổng hợp được tình hình nghiên cứu liên quan đến chuyên đề; phân tích thực trạng nghiên cứu, chỉ ra thành tựu của người đi trước và những giới hạn cần bổ khuyết.	1,0	
Phương pháp nghiên cứu	Khoa học, phù hợp, mang tính hiện đại.	0,5	
Nội dung nghiên cứu	Thể hiện được việc giải quyết trọn vẹn vấn đề, có đầy đủ các luận điểm lý thuyết và thực tiễn; có luận cứ, luận chứng rõ ràng, có tính thuyết phục.	2,5	
Tài liệu tham khảo	Tài liệu tham khảo phong phú, phù hợp, đảm bảo tính cập nhật và độ tin cậy; trình bày theo đúng quy định.	1,0	
Hình thức	Văn bản được tạo lập hoàn chỉnh: bố cục khoa học, hợp lý; văn phong đảm bảo tính trường quy; không mắc các lỗi trình bày, morat, ngữ pháp, chính tả; phần trích dẫn theo quy định của việc trình bày luận án Tiến sĩ và không xâm phạm quyền tác giả.	1,0	
II. Bảo vệ chuyên đề trước Hội đồng		2,0	
Phần trình bày báo cáo	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng phương tiện hiện đại.	1,0	
Phần trả lời câu hỏi	Trả lời các câu hỏi của hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện năng lực bao quát và phân tích tốt vấn đề nghiên cứu.	1,0	
Tổng cộng		10,0	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày..... tháng năm 20.....
Thành viên hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ
(Ký và ghi rõ họ tên)

5. Phiếu đánh giá Tiểu luận tổng quan (Rubric 5)

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

1. Tên tiểu luận:
2. Chuyên ngành: Văn học Việt Nam; mã số: 9220121
3. Họ và tên nghiên cứu sinh:
4. Họ và tên cán bộ đánh giá:
5. Đơn vị công tác:
6. Ngày họp hội đồng đánh giá: / năm 20.....
7. Địa điểm:
8. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan số: /QĐ ngày /20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức
9. Đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí đánh giá/trọng số điểm	Các chỉ báo đánh giá	Điểm tối đa	Điểm thực tế /ĐG
I. Tiểu luận		20	
Nội dung chính	Tổng hợp được đầy đủ tình hình nghiên cứu liên quan đến chuyên đề cả lý thuyết và thực tiễn.	5,0	
Kết luận	Phân tích được thực trạng nghiên cứu: chỉ ra thành tựu của người đi trước và những giới hạn cần bổ khuyết.	4,0	
Tài liệu tham khảo	Tài liệu tham khảo phong phú, phù hợp, đảm bảo tính cập nhật và độ tin cậy; trình bày theo đúng quy định.	4,0	
Hình thức	Văn bản được tạo lập hoàn chỉnh: bố cục khoa học, hợp lý; văn phong đảm bảo tính trường quy; không mắc các lỗi trình bày, morat, ngữ pháp, chính tả; phân trích dẫn theo quy định của việc trình bày luận án tiến sĩ và không xâm phạm quyền tác giả.	4,0	
II. Báo cáo tiểu luận trước hội đồng đánh giá		20	
Phân báo cáo kết quả	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng phương tiện hiện đại.	1,0	
Phân trả lời câu hỏi	Trả lời các câu hỏi của hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện năng lực bao quát và phân tích tốt vấn đề nghiên cứu.	1,0	
Tổng cộng		10	

Điểm bằng chữ:

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 20.....
Thành viên hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan
(Ký và ghi rõ họ tên)

6. Phiếu đánh giá Luận án tiến sĩ

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Dùng cho các thành viên hội đồng trong buổi đánh giá luận án tiến sĩ)

Họ tên người đánh giá:

Trách nhiệm trong hội đồng:

Cơ quan công tác:

.....

Họ tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

.....

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam, mã số: 9220121

Ngày họp hội đồng đánh giá: / năm 20.....

Địa điểm:

8. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ số: /QĐ ngày / 0....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

(Chỉ đánh dấu x vào ô trống dưới đây)

* Tán thành	
* Không tán thành	
* Xuất sắc	

Thanh Hóa, ngày..... tháng năm 20.....

Thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ

(Ký và ghi rõ họ tên)